

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1091/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2019

V/v: “TrA chấp về ly hôn”.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị ThA Hương.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Xuân Hương;

2. Ông Huỳnh Văn Bé.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 582/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Số 34, đường 802, tổ 9, ấp Phú Bình, xã An Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Phước A, sinh năm 1986 (có mặt).

Thường trú: Thôn Đồng Lãnh, xã Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: Số 34, đường 802, tổ 9, ấp Phú Bình, xã An Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn xin ly hôn ngày 01/3/2019, nguyên đơn bà Võ Thị Kim T trình bày sự việc như sau:

Bà (Võ Thị Kim T) và ông Nguyễn Phước A kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phú, huyện Củ Chi, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 48, quyển số 01/2013, cấp ngày 28/5/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống ở bên vợ. Sau khoảng thời gian chung sống với nhau, vợ chồng bà thấy không hiểu nhau, giữa hai người có nhiều khác biệt về cách sống, quan điểm sống, chồng bà thường xuyên không có mặt ở nhà, không chăm lo cho gia đình, vợ con. Từ đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cho gia đình mất hạnh phúc.

Vợ chồng bà sống ly thân khoảng 01 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc, T yêu nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà xin được ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà và ông A có 02 con chung, tên là: Nguyễn Phước T, sinh ngày 22/01/2014 và Nguyễn Phước Đ, sinh ngày 29/8/2018. Hiện 02 con chung đang sống với bà. Khi ly hôn, các con do bà nuôi dưỡng, yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Kim T trình bày:

Bà cương quyết xin ly hôn với ông A.

Hiện 02 con chung đang sống với bà. Bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, không cần ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 20/8/2019 và biên bản hòa giải ngày 20/8/2019, bị đơn ông Nguyễn Phước A trình bày sự việc như sau:

Ông đồng ý ly hôn với bà T. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ lúc về sống chung cho đến nay, gồm mâu thuẫn về tiền bạc, mâu thuẫn về trình độ, môi trường,...

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung, tên là: Nguyễn Phước Thịnh, sinh ngày 22/01/2014 và Nguyễn Phước Đ, sinh ngày 29/8/2018. Ông yêu cầu được nuôi 02 con chung do ông có điều kiện học tập, môi trường tốt hơn bà T, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

* Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Phước A trình bày:

Ông đồng ý ly hôn với bà T.

Hiện 02 con chung đang sống với bà T. Ông đồng ý để con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

* Đại diện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Kim T:

1. Bà T được quyền ly hôn với ông A.

2. Giao các con chung là Nguyễn Phước T, sinh ngày 22/01/2014 và Nguyễn Phước Đ, sinh ngày 29/8/2018 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Phước A hiện đang cư trú tại địa chỉ: Tổ 9, ấp Phú Bình, xã An Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Kim T về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Phước A, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Võ Thị Kim T và ông Nguyễn Phước A kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phú, huyện Củ Chi, theo Giấy chứng nhận kết

hôn số: 48, quyền số 01/2013, cấp ngày 28/5/2013, nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Theo lời bà T trình bày thì do vợ chồng bà có nhiều khác biệt về cách sống, quan điểm sống, từ đó dẫn đến nhiều mâu thuẫn phát sinh, không thể hàn gắn. Vợ chồng bà sống ly thân khoảng 01 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc, T yêu nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà xin được ly hôn với ông A.

Tại phiên tòa, ông A đồng ý ly hôn với bà T vì tình cảm vợ chồng không còn.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, T yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, tạo dựng hạnh phúc gia đình, nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông A có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân khoảng 01 năm nay, hôn nhân giữa bà T và ông A không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T là có cơ sở.

- Về con chung:

Bà T và ông A có 02 con chung, tên là: Nguyễn Phước T, sinh ngày 22/01/2014 và Nguyễn Phước Đ, sinh ngày 29/8/2018. Hiện 02 trẻ T và Đ đang sống chung với bà T.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung, ông A đồng ý, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông A được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Tài sản chung:

Đương sự khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Đương sự khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Kim T.

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Thị Kim T được quyền ly hôn với ông Nguyễn Phước A.

- Về con chung:

Bà T được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung, tên là: Nguyễn Phước T, sinh ngày 22/01/2014 và Nguyễn Phước Đ, sinh ngày 29/8/2018.

Bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông A được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung:

Đương sự khai không có tài sản chung.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Đương sự khai không có nghĩa vụ dân sự chung.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc bà T phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 00013949 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã An Phú, H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương